

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15-4-2021
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga
2. Bà Nguyễn Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Nữ Lệ Chi- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Công T, sinh năm 1973

Hộ khẩu thường trú: phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Phạm Thị Mỹ D, sinh năm 1983

Hộ khẩu thường trú: thôn P, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Tạm trú: phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Công T trình bày:

Ông Lê Công T và bà Phạm Thị Mỹ D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013, trước khi chung sống đã có thời gian tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận số 14, quyển 01/2013 ngày 25/02/2013. Vợ chồng sinh sống tại thành phố B, cuộc sống hạnh phúc và sinh được 01 con chung. Tuy nhiên, thời

gian sau này hai bên thường xảy ra mâu thuẫn xung đột, nguyên nhân do bất đồng quan điểm từ lối sống, thường xuyên va chạm không tôn trọng dẫn đến cãi vã nhau, từ những mâu thuẫn mà hai bên không tự hòa hòa giải được nên bà D thường bỏ nhà đi và tình cảm phai nhạt dần. Ông T đã nhiều lần cố gắng hàn gắn để mong gia đình hạnh phúc, cho con cái có cha có mẹ nhưng không đạt được kết quả, hiện cả hai sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay ông T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chung sống cũng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông Lê Công T và bà Phạm Thị Mỹ D có với nhau 01 con chung tên Lê Công T1, sinh ngày 26/8/2013. Trong suốt quá trình vợ chồng mâu thuẫn và khi ly thân nhau thì ông T là người trực tiếp nuôi con, nay giải quyết ly hôn ông T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu bà D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ D: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án không hợp tác và đến Tòa làm việc, cụ thể: sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập bà D đến tòa làm việc, thông báo phiên hòa giải công khai chứng cứ và yêu cầu phía bị đơn cung cấp ý kiến, chứng cứ nhưng bà D đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng đến nay bà D vẫn không đến tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B cho rằng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong hạn luật định theo Điều 28, 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thu thập chứng cứ đầy đủ, nguyên đơn chấp hành tốt quy định và cung cấp ý kiến chứng cứ đầy đủ, đủ căn cứ để xét xử vắng mặt bị đơn; trình tự tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn, con chung; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ vào kết quả xác minh thì bị đơn có tạm trú tại phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa– Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Lê Công T và bà Phạm Thị Mỹ D tìm hiểu và tự nguyện chung sống có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại phường L, thành phố B đúng quy định nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp. Thời gian đầu về chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau một con chung là cháu Lê Công T1, nhưng ông T xác nhận khoảng thời gian hạnh phúc không dài thì hai bên bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn xung đột mà không thể hàn gắn. Qua xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn vợ chồng là có thật thể hiện rõ ở việc vợ chồng sống ly thân nhau, không cùng nhau nuôi dạy con cái mà trên thực tế chỉ có ông T là người nuôi con, cả hai không quan tâm chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng vun đắp gia đình theo những mục đích tốt đẹp của hôn nhân.

[2.2] Khi giải quyết vụ án bà Phạm Thị Mỹ D không đến Tòa đề hợp tác cung cấp ý kiến, chứng cứ và tham gia phiên hòa giải là thể hiện việc không có thiện chí trong việc hòa giải đoàn tụ; trong suốt thời gian giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T vẫn giữ nguyên ý kiến và cương quyết xin ly hôn do ông xác định hiện nay cả hai không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.3] Về con chung: Ông T và bà D có 01 con chung tên cháu T1, sinh năm 2013, khi ly hôn ông T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, đề nghị của ông T là phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng từ trước đến nay, kết quả chăm sóc thực tế và nguyện vọng của con. Vì vậy chấp nhận giao các con cho ông T nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng ông T không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông T được ly hôn với bà D.

Về con chung: Giao cháu T1, sinh ngày 26/8/2013 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà D có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003179 ngày 07/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông T đã nộp xong án phí.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Người vắng mặt thì thời hạn tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND phường L;
- (Số 14, Quyển 01/2013);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Anh

